

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025

DỰ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 160/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ nhân viên nghiệp vụ và phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe và được phân loại như sau:

a) Trung tâm sát hạch lái xe loại 1: cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A, B1, B, C1, C, D2, D1, D và các hạng BE, C1E, CE, D2E, D1E, DE;

b) Trung tâm sát hạch lái xe loại 2: cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A, B1, B, C1, C và hạng D1;

c) Trung tâm sát hạch lái xe loại 3: cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A và B1.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Mục 3 Chương II như sau:

“Mục 3. Tiêu chuẩn giáo viên dạy lái xe; thủ tục cấp, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe ô tô, giải thể cơ sở đào tạo”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Hệ thống phòng học chuyên môn

a) Đảm bảo có đủ diện tích để bố trí các phòng học sau:

Phòng sử dụng học lý thuyết: có các trang thiết bị làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về các nội dung: pháp luật giao thông đường bộ, đạo đức người lái xe, văn hóa giao thông, phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông và phòng chống cháy nổ và cứu nạn, cứu hộ; trường hợp, các thiết bị công nghệ thông tin chưa mô tả hệ thống báo hiệu đường bộ, sa hình, thì phải có hệ thống tranh vẽ.

Phòng sử dụng học kỹ thuật ô tô: có các thiết bị công nghệ thông tin làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về cấu tạo, sửa chữa thông thường và kỹ thuật lái xe, kiến thức mới về nâng hạng; có mô hình cắt bỏ động cơ, hệ thống truyền lực và hệ thống điện; có trang bị đồ nghề chuyên dùng để hướng dẫn học sinh thực hành tháo lắp lớp, kiểm tra dầu xe, nước làm mát; có xe ô tô được kê kích bảo đảm an toàn để tập số nguội, số nóng; có cabin học lái xe; trường hợp, các thiết bị công nghệ thông tin chưa có sơ đồ mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái, các thao tác lái xe cơ bản (điều chỉnh ghế lái, tư thế ngồi lái, vị trí cầm vô lăng lái...), thì phải có hệ thống tranh vẽ; diện tích phòng học không nhỏ hơn 100 m²/phòng. Trường hợp, mô hình cắt bỏ động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống điện; khu vực hướng dẫn học sinh thực hành tháo lắp lớp, kiểm tra dầu xe, nước làm mát; xe ô tô để tập số nguội, số nóng; cabin học lái xe ô tô được bố trí ở khu vực riêng biệt thì diện tích phòng học không nhỏ hơn 48 m²/phòng;

b) Hệ thống phòng học chuyên môn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; cơ sở đào tạo lái xe ô tô bố trí số lượng phòng học lý thuyết và phòng sử dụng học kỹ thuật ô tô phù hợp với lưu lượng, hình thức và chương trình đào tạo; số lượng phòng học tính theo lưu lượng học viên; được xác định theo nguyên tắc 01 phòng sử dụng học lý thuyết và 01 phòng sử dụng học kỹ thuật ô tô đáp ứng tối đa lưu lượng 500 học viên.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Xe tập lái

a) Cơ sở đào tạo phải có xe tập lái của các hạng được phép đào tạo, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái;

b) Xe tập lái các hạng phải sử dụng các loại xe tương ứng với hạng giấy phép lái xe quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Trong đó: xe tập lái hạng B gồm xe sử dụng loại chuyển số tự động (bao gồm cả ô tô điện)

hoặc chuyên số cơ khí (số sàn); xe tập lái hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE sử dụng loại chuyên số cơ khí (số sàn);

c) Xe tập lái được gắn 02 biển “TẬP LÁI” trước và sau xe theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này; có hệ thống phanh phụ được lắp đặt bảo đảm hiệu quả phanh, được bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe; xe tập lái trên đường giao thông có thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên; xe tập lái loại ô tô tải thùng có mui che mưa, che nắng, ghế ngồi cho học viên;

d) Xe mô tô ba bánh để làm xe tập lái cho người khuyết tật là xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe;

đ) Xe ô tô hạng B số tự động được dùng làm xe tập lái cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái; xe ô tô hạng B số tự động dùng làm xe tập lái cho người khuyết tật ngoài việc đáp ứng các quy định tại điểm a, điểm c khoản này còn phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô hoặc được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 9 như sau:

“a) Thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe;”;

4. Bổ sung khoản 5 vào Điều 9 như sau:

“5. Có hệ thống ứng dụng định danh và xác thực điện tử để bảo đảm việc nhận diện, xác thực chính xác học viên từ khi đăng ký đào tạo đến khi đăng ký sát hạch lái xe”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Giáo viên dạy lý thuyết đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô hoặc các ngành nghề khác có nội dung đào tạo chuyên ngành pháp luật hoặc ô tô chiếm 30% trở lên;

b) Có một trong các văn bằng, chứng chỉ về trình độ nghiệp vụ sư phạm sau:

Bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên; Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, cao đẳng sư phạm kỹ thuật trở lên; trung cấp sư phạm;

Chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp; Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 trở lên.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 10 như sau:

“d) Có một trong các văn bằng, chứng chỉ về trình độ nghiệp vụ sư phạm sau:

Bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên; Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, cao đẳng sư phạm kỹ thuật trở lên; trung cấp sư phạm trở lên;

Chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp; Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 trở lên.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 12 như sau:

“2. Trình tự thực hiện

a) Tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe

Cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe lần đầu lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ sở đào tạo lái xe;

Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, bảo đảm tiêu chuẩn đối với người tham dự tập huấn theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định này và tổ chức tập huấn theo chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Kiểm tra, đánh giá cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn, cơ sở đào tạo có văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này và hồ sơ của cá nhân tham dự tập huấn gửi Sở Xây dựng đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bằng một trong các hình thức: trực tiếp, dịch vụ bưu chính, văn bản điện tử;

Sở Xây dựng tiếp nhận danh sách do cơ sở đào tạo lập và hồ sơ cá nhân; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, trong thời hạn 02 ngày làm việc gồm thời gian xác thực điện tử thông tin về giấy phép lái xe phải có văn bản nêu rõ nội dung, lý do đề nghị cơ sở đào tạo lái xe bổ sung đầy đủ, chính xác; trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc gồm thời gian xác thực điện tử thông tin về giấy phép lái xe, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, tổ chức kiểm tra, đánh giá theo quy trình quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này. Trường hợp cá nhân không đạt kết quả kiểm tra, Sở Xây dựng phải trả lời bằng văn bản cho cơ sở đào tạo và cá nhân đồng thời nêu rõ lý do không cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, Sở Xây dựng cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe và vào sổ theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử trên VNeID hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; trừ trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì thực hiện tại bộ phận một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 13 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 13 như sau:

“b) Hồ sơ đề nghị cấp lại trong trường hợp có sự thay đổi về nội dung bao gồm các thành phần quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị định này và tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi tương ứng, cụ thể như sau: thay đổi tên của cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hộ tịch của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên, thay đổi ngày tháng năm sinh”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Xây dựng;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ gồm thời gian xác thực điện tử thông tin thay đổi của cá nhân, Sở Xây dựng kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp chưa đầy đủ thì Sở Xây dựng có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định;

c) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe và vào sổ theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

d) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử trên VNeID hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; trừ trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì thực hiện tại bộ phận một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Thủ tục bổ sung xe tập lái, cấp lại giấy phép xe tập lái

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo và danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII và Phụ lục X kèm theo Nghị định này;

b) Giấy xác nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với xe tập lái không thuộc quyền sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe.

2. Trình tự thực hiện

a) Cơ sở đào tạo gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Sở Xây dựng;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp chưa đầy đủ, thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định;

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và xác thực điện tử thông tin về xe tập lái, gồm: Chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, Sở Xây dựng cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử trên VNeID hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; trừ trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì thực hiện tại bộ phận một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh;

d) Sở Xây dựng lập sổ theo dõi cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định này.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 19 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 19 như sau:

“đ) Giấy xác nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với xe tập lái không thuộc quyền sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Trình tự thực hiện

a) Sau khi hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu điều kiện của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch công trực tuyến đến Sở Xây dựng;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng phải có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn không quá 06 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và xác thực điện tử thông tin về xe tập lái, gồm: Chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới; Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII kèm theo Nghị định này và cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử trên VNeID hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; trừ trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì thực hiện tại bộ phận một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh;”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 như sau:

“3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép đào tạo lái xe, Sở Giao thông vận tải gửi Cục Đường bộ Việt Nam mã số quản lý cơ sở đào tạo lái xe ô tô, bản sao giấy phép đào tạo lái xe kèm biên bản kiểm tra cơ sở đào tạo.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 19 như sau:

“c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử trên VNeID hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; trừ trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì thực hiện tại bộ phận một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 20 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 20 như sau:

“c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử trên VNeID hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; trừ trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì thực hiện tại bộ phận một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 20 như sau:

“c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử trên VNeID hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; trừ trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì thực hiện tại bộ phận một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 của Điều 24 như sau:

“5. Xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, đường truyền trực tuyến để truyền trực tiếp dữ liệu giám sát sát hạch về Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố tổ chức kỳ sát hạch và Cục Cảnh sát giao thông, Bộ Công an để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra và xử lý vi phạm.”.

2. Bổ sung khoản 14 vào Điều 24 như sau:

“14. Trung tâm sát hạch lái xe loại 2 và loại 3 có cài đặt phần mềm sát hạch lý thuyết ô tô: cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch lý thuyết đối với tất cả các hạng giấy phép lái xe.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Giấy phép sát hạch, thẩm quyền cấp giấy phép sát hạch

1. Cục Cảnh sát giao thông cấp, cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 trên toàn quốc đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25 của Nghị định này. Công an tỉnh, thành phố trên địa bàn quản lý được cấp, cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3 nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25 của Nghị định này; chấp thuận, chấp thuận lại sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 32 của Nghị định này.

Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe chưa cung cấp dịch vụ để sát hạch đủ các hạng sát hạch lái xe quy định tại khoản 4 Điều 3 của Nghị định này thì được cấp giấy phép sát hạch để sát hạch cấp giấy phép lái xe đối với các hạng đáp ứng đủ điều kiện.

2. Giấy phép sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục XVI kèm theo Nghị định này; được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng, thay đổi tên của trung tâm sát hạch hoặc có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe. Giấy phép cấp lại phải có quy định hủy bỏ hiệu lực của giấy phép đã cấp trước đó.

3. Trường hợp cấp giấy phép sát hạch điện tử (có mã hai chiều (QR)), Cơ quan cấp đăng tải trên Trang thông tin điện tử để truy xuất thông tin về giấy phép sát hạch.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“Điều 28. Thủ tục cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2

1. Sau khi xây dựng xong trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ xây dựng và văn bản đề nghị cấp giấy phép sát hạch theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII kèm theo Nghị định này đến Cục Cảnh sát giao thông bằng một trong các hình thức: qua dịch vụ bưu chính, văn bản điện tử. Hồ sơ xây dựng gồm: quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ) trừ các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) (bản sao kèm bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc); bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể; giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc); hồ sơ thiết kế hình

sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động.

2. Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Cục Cảnh sát giao thông tổ chức kiểm tra, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này và cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp cấp giấy phép sát hạch điện tử, Cục Cảnh sát giao thông đăng trên Trang thông tin điện tử để trung tâm sát hạch lái xe in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Thủ tục cấp giấy phép cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3

1. Sau khi xây dựng xong trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị cấp giấy phép sát hạch theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Nghị định này, kèm 01 bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử đến Công an tỉnh, thành phố đề nghị cấp giấy phép sát hạch; hồ sơ bao gồm:

a) Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);

b) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

2. Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Công an tỉnh, thành phố kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Công an tỉnh, thành phố có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, tổ chức kiểm tra, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII kèm theo Nghị định này và cấp giấy phép sát hạch; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy phép sát hạch, Công an tỉnh, thành phố phải báo cáo Cục Cảnh sát giao thông bằng văn bản để theo dõi, quản lý;

3. Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp cấp giấy phép sát hạch điện tử, Công an tỉnh, thành phố đăng trên Trang thông tin điện tử để trung tâm sát hạch lái xe in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Thủ tục cấp lại giấy phép sát hạch

1. Giấy phép sát hạch được cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe

a) Trung tâm sát hạch lái xe gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sát hạch theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Nghị định này gửi đến cơ quan có thẩm quyền cấp bằng một trong các hình thức: qua dịch vụ bưu chính, văn bản điện tử;

b) Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền cấp tổ chức kiểm tra, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII kèm theo Nghị định này và cấp giấy phép sát hạch. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp cấp giấy phép sát hạch điện tử, cơ quan có thẩm quyền cấp đăng trên Trang thông tin điện tử để trung tâm sát hạch lái xe in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

2. Giấy phép sát hạch được cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

a) Trung tâm sát hạch lái xe có văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sát hạch theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Nghị định này và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất hoặc nội dung thay đổi, gửi đến cơ quan có thẩm quyền cấp bằng một trong các hình thức: qua dịch vụ bưu chính, văn bản điện tử;

b) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền cấp kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện theo quy định; trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe; trường hợp không cấp phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp cấp giấy phép sát hạch điện tử, cơ quan có thẩm quyền cấp đăng trên Trang thông tin điện tử để trung tâm sát hạch lái xe in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 31 như sau:

“a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này hoặc giải thể hoạt động sát hạch, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi giấy phép sát hạch, thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên Trang thông tin điện tử;”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Thủ tục chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

1. Tổ chức, cá nhân có sân tập lái gửi 01 bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử đến Công an tỉnh, thành phố đề nghị kiểm tra, chấp thuận sử dụng sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô; hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục XVIII kèm theo Nghị định này;

b) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

2. Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Công an tỉnh, thành phố kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp chưa đầy đủ, thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tổ chức kiểm tra sân tập lái và lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX kèm theo Nghị định này và ban hành quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô đủ điều kiện hoạt động theo mẫu tại Phụ lục XX kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, Công an tỉnh, thành phố phải báo cáo Cục Cảnh sát giao thông bằng văn bản để theo dõi, quản lý.

3. Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp trả kết quả điện tử (có mã hai chiều (QR)), Công an tỉnh, thành phố đăng tải kết quả trên Trang thông tin điện tử để tổ chức, cá nhân in hoặc lưu trên thiết bị điện tử, các cơ quan liên quan truy xuất thông tin về chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Thủ tục chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

1. Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô được cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe

a) Tổ chức, cá nhân có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô gửi văn bản đề nghị cấp lại chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục XVIII kèm theo Nghị định này trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử đến Công an tỉnh, thành phố;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Công an tỉnh, thành phố tổ chức kiểm tra, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII kèm theo Nghị định này và chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô được cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

a) Tổ chức, cá nhân có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô có văn bản đề nghị cấp lại chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô theo Mẫu số 02

quy định tại Phụ lục XVIII kèm theo Nghị định này và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất hoặc nội dung thay đổi, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Công an tỉnh, thành phố;

b) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị, Công an tỉnh, thành phố kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Công an tỉnh, thành phố có văn bản chấp thuận gửi tổ chức, cá nhân; trường hợp không cấp phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, Công an tỉnh, thành phố phải báo cáo Cục Cảnh sát giao thông bằng văn bản để theo dõi, quản lý;

c) Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp trả kết quả điện tử (có mã hai chiều (QR)), Công an tỉnh, thành phố đăng tải kết quả trên Trang thông tin điện tử của Công an tỉnh, thành phố để tổ chức, cá nhân in hoặc lưu trên thiết bị điện tử, các cơ quan liên quan truy xuất thông tin về chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.”

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 35 như sau:

“a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi, thông báo đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên Trang thông tin điện tử Công an tỉnh, thành phố; trong thời hạn 05 ngày làm việc phải báo cáo Cục Cảnh sát giao thông để theo dõi, quản lý;”

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Bộ Công an

1. Thống nhất quản lý hoạt động sát hạch lái xe theo quy định của Nghị định này.

2. Chỉ đạo Cục Cảnh sát giao thông

a) Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định về hoạt động sát hạch lái xe của Nghị định này;

b) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc cấp giấy phép sát hạch của Công an tỉnh, thành phố đối với các trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ, việc chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô;

c) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra các trung tâm sát hạch đã được cấp giấy phép sát hạch về việc chấp hành các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ;

d) Công bố và thực hiện cập nhật danh sách các trung tâm sát hạch lái xe được cấp giấy phép sát hạch hoặc bị thu hồi trên Trang thông tin điện tử;

đ) Xây dựng, duy trì hệ thống thông tin quản lý, đường truyền kết nối, phần mềm để tổ chức các kỳ sát hạch tại Công an các tỉnh, thành phố; kết nối, tiếp nhận chuyển giao dữ liệu đào tạo lái xe từ Bộ Xây dựng để tổ chức các kỳ sát hạch tại Công an tỉnh, thành phố và quản lý cơ sở dữ liệu người lái xe;

e) Xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, đường truyền để kết nối, lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm và tổng hợp, báo cáo;

g) Cục Cảnh sát giao thông xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, đường truyền để tiếp nhận, lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.

h) Cục Cảnh sát giao thông thực hiện cấp, cấp lại giấy phép sát hạch lái xe loại 1, loại 2 bằng bản điện tử trước ngày 31 tháng 12 năm 2027.”

3. Chỉ đạo Công an tỉnh, thành phố

a) Tổ chức thực hiện các quy định về sát hạch lái xe của Nghị định này;

b) Công bố và thực hiện cập nhật danh sách các trung tâm sát hạch lái xe được cấp hoặc bị thu hồi trong phạm vi quản lý trên Trang thông tin điện tử của Công an tỉnh, thành phố;

c) Kết nối với Cục Cảnh sát giao thông duy trì hệ thống thông tin, đường truyền để tiếp nhận, lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm và tổng hợp, báo cáo;

d) Lưu trữ tài liệu: danh sách cấp kèm biên bản kiểm tra cấp phép, giấy phép sát hạch kèm biên bản kiểm tra cấp phép và quyết định chấp thuận hoạt động sân tập lái để sát hạch lái xe không thời hạn;

đ) Công an tỉnh, thành phố xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, đường truyền để tiếp nhận, lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.

e) Công an tỉnh, thành phố thực hiện cấp, cấp lại giấy phép sát hạch loại 3, chấp thuận, chấp thuận lại sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô bằng bản điện tử trước ngày 31 tháng 12 năm 2027.”.

Điều 20. Bổ sung Điều 36a vào sau Điều 36 như sau

“Điều 36a. Bộ Xây dựng

1. Thống nhất quản lý hoạt động đào tạo lái xe theo quy định của Nghị định này.

2. Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định về hoạt động đào tạo lái xe của Nghị định này.

3. Quy định quy chuẩn về ca bin học lái xe để đào tạo lái xe, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe trên đường của học viên; hướng dẫn

việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát thời gian học lý thuyết đối với học viên của các cơ sở đào tạo lái xe ô tô.”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

“Điều 37. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện quy định của Nghị định này.

2. Chỉ đạo Sở Xây dựng

a) Tổ chức thực hiện kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện quy định về đào tạo lái xe của Nghị định này;

b) Công bố và thực hiện cập nhật danh sách các cơ sở đào tạo lái xe ô tô được cấp hoặc bị thu hồi trong phạm vi quản lý trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng;

d) Lưu trữ tài liệu: danh sách cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép đào tạo lái xe kèm biên bản kiểm tra cấp phép, danh sách cấp xe tập lái trong thời hạn 05 năm;

đ) Sở Xây dựng căn cứ nội dung kiểm tra, đánh giá quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, để xây dựng chi tiết nội dung kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;

e) Số hóa giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe do Sở Xây dựng đã cấp gồm các thông tin: họ, tên; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; nơi cư trú; số giấy chứng nhận, hạng tập huấn. Hoàn thành dữ liệu số hóa trước ngày 31 tháng 12 năm 2026; bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin phục vụ công tác quản lý và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

g) Sở Xây dựng thực hiện trả kết quả bản điện tử trước ngày 31 tháng 12 năm 2027 đối với các thủ tục: cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại khoản 3 Điều 11 của Nghị định này; cấp giấy phép xe tập lái quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này; cấp giấy phép đào tạo lái xe quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định này.”.

Điều 22. Bổ sung khoản 6 vào Điều 38 như sau:

“6. Cơ sở đào tạo lái xe phải sử dụng hệ thống ứng dụng định danh và xác thực điện tử để bảo đảm việc nhận diện, xác thực chính xác học viên từ khi đăng ký đào tạo đến khi đăng ký sát hạch lái xe trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.”

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

“Điều 41. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe ô tô do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng theo thời hạn của giấy phép với các hạng xe đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Trung tâm sát hạch lái xe đã được cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực đáp ứng điều kiện về hệ thống thông tin, đường truyền để kết nối và truyền dữ liệu giám sát sát hạch quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.”.

Điều 24. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định 160/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe

1. Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng” tại Điều 11; Điều 14; Điều 15; Điều 17; Điều 18; khoản 3 và khoản 4 Điều 19; Điều 20; Điều 21; khoản 6 Điều 41; Phụ lục II; Phụ lục V; Phụ lục X.

2. Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Cục Cảnh sát giao thông” tại Điều 26.

3. Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông” tại Điều 31; Điều 35; Phụ lục XVI; Phụ lục XVII; Phụ lục XIX; Phụ lục XX; Phụ lục XXI.

4. Thay thế Phụ lục tại Nghị định số 160/2024/NĐ-CP như sau:

- Phụ lục I bằng Phụ lục I kèm theo Nghị định này;
- Phụ lục IV bằng Phụ lục II kèm theo Nghị định này;
- Phụ lục VII bằng Phụ lục III kèm theo Nghị định này;
- Phụ lục VIII bằng Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;
- Phụ lục XVIII bằng Phụ lục VI kèm theo Nghị định này.

5. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều sau: khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 1 và điểm đ khoản 4 Điều 9; điểm c khoản 2 Điều 10; khoản 9 Điều 24; Điều 26; điểm e khoản 1 Điều 31; điểm e khoản 1 Điều 35; Phụ lục X; Phụ lục XV.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe ô tô, giấy phép sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động đã nộp tại cơ quan có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe, hạng xe được phép đào tạo và sát hạch tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Đường bộ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (3b) pvc

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG